

**XEM XÉT LẠI VỊ TRÍ PHÂN LOẠI CỦA MỘT SỐ LOÀI SÁN LÁ THUỘC BA
GIỐNG *DICTYONOGRAPTUS* TRAVASSOS, 1919, *PLATYNOSOMOIDES*
YAMAGUTI, 1971 VÀ *SKRJABINUS* (BHALERAO, 1936)
(HỌ DICROCOELIIDAE)**

NGUYỄN THỊ LÊ, PHẠM NGỌC DOANH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Họ Sán lá Dicrocoeliidae là một họ lớn, gồm khoảng 400 loài thuộc 37 giống ký sinh ở động vật máu lạnh (bò sát), động vật máu nóng (chim, thú) và cả ở người. Hệ thống phân loại của các loài, các giống thuộc họ này còn nhiều quan điểm khác nhau. Trong bài này, chúng tôi xem xét lại vị trí phân loại của một số loài thuộc 3 giống *Dictyonograptus* Travassos, 1919, *Platynosomoides* Yamaguti, 1971 và *Skrjabinus* (Bhalerao, 1936).

Giống *Dictyonograptus* được Travassos xác lập vào năm 1919, với loài chuẩn là *D. dictyonograptus* Travassos, 1919. Đặc điểm chẩn loại của giống là: giác bụng nằm ở nửa trước cơ thể. Lỗ sinh dục mở ra ở vùng nhánh ruột chẻ đôi. Tinh hoàn nằm đối xứng ở hai bên giác bụng. Buồng trứng nằm sau tinh hoàn. Tuyến noãn hoàng bắt đầu từ ngang nhánh ruột chẻ đôi và kéo dài đến phần sau cơ thể. Năm 1968, Nguyễn Thị Lê bổ sung loài *D. vietnamensis*, đến năm 1977 bổ sung thêm loài *D. babeensis*.

Giống *Platynosomoides* được Yamaguti xác lập năm 1971 trên cơ sở tách loài *Platynosomum muris* từ giống *Platynosomum* Looss, 1907, vì ông cho rằng loài này có đặc điểm khác với các loài còn lại trong giống. Đặc điểm chẩn loại của giống *Platynosomoides* là: các giác bám hầu như bằng nhau, giác bụng nằm không xa giác miệng, ruột không kéo dài đến mút sau cơ thể. Lỗ sinh dục nằm sau hầu nhưng trước nhánh ruột chẻ đôi. Tinh hoàn nằm đối xứng ngay sau giác bụng. Buồng trứng nằm sau tinh hoàn. Tuyến noãn hoàng chiếm vùng giữa cơ thể, bắt đầu từ mép trước giác bụng. Hà Duy Ngô (1990)

mô tả một dạng *Dicrocoeliidae* gen. sp. và được Nguyễn Thị Lê (1995) xếp vào giống *Platynosomoides*.

Phân tích đặc điểm của 2 giống trên, đồng thời xem xét lại mẫu vật, chúng tôi thấy rằng đặc điểm của hai giống này không sai khác nhau. Vì vậy, chúng tôi cho rằng giống *Platynosomoides* Yamaguti, 1971 là synonym của giống *Dictyonograptus* Travassos, 1919. Như vậy, các loài thuộc giống *Platynosomoides* Yamaguti, 1971 được chuyển về giống *Dictyonograptus* Travassos, 1919.

Ngoài ra, loài *Skrjabinus andersoni* (Ko, 1976) Panin, 1984 tìm thấy ở chuột ở Hồng Kông cũng cần được xếp vào giống *Dictyonograptus*, vì loài này có vị trí tuyến noãn hoàng khác hẳn với các loài khác trong giống *Skrjabinus*. Các loài thuộc giống *Skrjabinus* có tuyến noãn hoàng bắt đầu sau giác bụng hoặc sau tinh hoàn, còn loài *S. andersoni* có tuyến noãn hoàng bắt đầu ngang mép sau hầu, đặc điểm này giống đặc điểm chẩn loại của giống *Dictyonograptus*. Trên cơ sở đó, chúng tôi cho rằng loài này cần được xếp vào giống *Dictyonograptus* Travassos, 1919.

Như vậy, cho đến nay, giống *Dictyonograptus* có 6 loài: *Dictyonograptus dictyonograptus* Travassos, 1919; *D. babeensis* Nguyen, 1977; *D. krongpakensis* (Ha, 1990) comb. nov.; *D. vietnamensis* Nguyen, 1968; *D. muris* (Stscherbakova, 1942) comb. nov. và *D. andersoni* (Ko, 1976) comb. nov.

Dưới đây là khóa định loại các loài thuộc giống *Dictyonograptus*.

Khóa định loại các loài thuộc giống *Dicyonograptus* Travassos, 1919

- 1(4) Tinh hoàn nằm sau giác bụng
2(3) Tuyến noãn hoàng bắt đầu ngang hầu, có các gấp nếp tử cung trước giác bụng..... *D. babeensis*
3(2) Tuyến noãn hoàng bắt đầu ngang chỗ nhánh ruột chẻ đôi, không có các gấp nếp tử cung trước giác bụng*D. krongpakensis* comb. nov.
4(1) Tinh hoàn bị giác bụng che lấp một phần
5(8) Tuyến noãn hoàng kéo dài về phía sau cơ thể, giác bụng bé hơn giác miệng
6(7) Có các gấp nếp tử cung trước giác bụng.....*D. dicyonograptus*
7(6) Không có các gấp nếp tử cung trước giác bụng*D. vietnamensis*
8(5) Tuyến noãn hoàng kéo dài đến giữa cơ thể, giác bụng lớn hơn giác miệng
9(10) Tuyến noãn hoàng bắt đầu ngang nhánh ruột chẻ đôi hoặc ngang mép trước giác bụng. Giác bụng hơi lớn hơn giác miệng*D. muris* comb. nov.
10(9) Tuyến noãn hoàng bắt đầu ngang mép sau hầu. Giác bụng lớn hơn hẳn giác miệng
.....*D. andersoni* comb. nov.

Dưới đây là mô tả 4 loài thuộc giống *Dicyonograptus* tìm thấy ở Việt Nam

1. *Dicyonograptus babeensis* Nguyen, 1977. (hình 1)

Vật chủ: chuột hươu bé (*Rattus fulvescens*).

Nơi ký sinh: gan.

Nơi phát hiện: Bắc Cạn (Ba Bể).

Mô tả: (theo Nguyễn Thị Lê, 1977).

Cơ thể dài 3,5-4,1 mm, nút trước và nút sau cơ thể nhọn, phần giữa phình rộng, rộng nhất 1,46 mm. Giác miệng 0,15 × 0,18 mm. Giác bụng tròn, lớn hơn giác miệng, đường kính 0,23 mm. Hầu 0,18 × 0,21 mm, thực quản ngắn, hai nhánh ruột kéo dài về phía sau cơ thể. Tinh hoàn tròn hoặc ovan, nằm sau giác bụng. Kích thước tinh hoàn trái 0,20 × 0,15 mm, tinh hoàn phải 0,143 × 0,193 mm. Buồng trứng tròn, đường kính 0,221 mm, nằm phía sau tinh hoàn. Túi sinh dục nằm trước giác bụng, lỗ sinh dục mở ra ở ngang hầu. Tuyến noãn hoàng nằm hai bên cơ thể, bắt đầu ngang hầu kéo dài về phía sau cách nút sau cơ thể khoảng 1,3 mm. Tử cung rất phát triển, tạo thành nhiều gấp khúc, chiếm tất cả khoảng trống từ sau hầu đến nút sau cơ thể. Trứng 0,036-0,049 × 0,026-0,028 mm.

2. *D. krongpakensis* (Hà Duy Ngô, 1990) comb. nov. (hình 2)

Syn. *Dicrocoeliidae* gen. sp. Hà Duy Ngô,

1990.

Platynosomoides sp. Nguyễn Thị Lê, 1995.

Vật chủ: dơi (*Tupaia glis*).

Nơi ký sinh: gan.

Nơi phát hiện: Đắc Lắc (Krongpắc).

Mô tả: (theo Hà Duy Ngô, 1990, có bổ sung).

Cơ thể dài 2,06 mm, rộng nhất ở vùng tinh hoàn 0,348 mm. Giác miệng 0,106 × 0,103 mm, giác bụng có kích thước 0,155 × 0,142 mm, nằm ở khoảng 1/4 phía trước cơ thể. Hầu 0,065 mm, thực quản ngắn, hai nhánh ruột kéo dài về phía sau cơ thể và bị tử cung che lấp. Hai tinh hoàn tròn, nằm đối xứng nhau ở phía sau giác bụng, kích thước tinh hoàn phải 0,129 × 0,103 mm, tinh hoàn trái 0,142 × 0,103 mm. Túi sinh dục kéo dài quá mép trước giác bụng. Lỗ sinh dục mở ra ở vùng nhánh ruột chẻ đôi. Buồng trứng tròn, nằm sau tinh hoàn phải, kích thước 0,085 × 0,090 mm. Thể melit có kích thước bằng buồng trứng và nằm sau buồng trứng. Tuyến noãn hoàng gồm nhiều bao noãn bé nằm hai bên cơ thể, bắt đầu từ sau chỗ nhánh ruột chẻ đôi, kéo dài tới cách nút sau cơ thể 0,4 mm. Tử cung chứa đầy trứng, tạo thành nhiều gấp khúc lấp đầy khoảng trống từ sau buồng trứng đến cuối cơ thể. Trứng có kích thước 0,045-0,052 × 0,030-0,032 mm.

Nhận xét: Dựa vào vị trí của lỗ sinh dục,

phân bố của tuyến noãn hoàng và các tuyến sinh dục nói chung, loài này cần được xếp vào giống *Dictyonograpus*. Loài này khác với các loài thuộc giống đã tìm thấy ở chỗ: vị trí tinh hoàn nằm sau giác bụng, tuyến noãn hoàng bắt đầu sau nhánh ruột chẻ đôi kéo dài về phía sau cơ thể, cũng như ở vật chủ mới là dơi. Tên loài được lấy từ tên địa danh nơi phát hiện lần đầu.

3. *D. vietnamensis* Nguyen, 1968 (hình 3)

Vật chủ: chuột rừng (*Rattus koratensis* = *Rattus rattus*).

Nơi ký sinh: gan, tuyến tụy.

Nơi phát hiện: Quảng Bình (Quảng Ninh).

Mô tả: (theo Nguyễn Thị Lê, 1968).

Cơ thể có dạng hình lá, dài 3,54 mm, rộng nhất 0,98 mm. Giác miệng ở gần nút trước cơ thể, kích thước 0,189 × 0,262 mm. Giác bụng bé hơn giác miệng, nằm ở khoảng 1/4 phía trước cơ thể, kích thước 0,176 × 0,202 mm. Hâu 0,168 × 0,147 mm, thực quản ngắn 0,088 mm, ruột mảnh, kéo dài đến phần sau cơ thể. Túi sinh dục dài 0,292 mm, lỗ sinh dục mở ra ngay sau nhánh ruột chẻ đôi. Tinh hoàn hình elip, nằm 2 bên giác bụng, bị giác bụng che lấp một phần, kích thước tinh hoàn phải 0,290 × 0,252 mm, tinh hoàn trái 0,317 × 0,231 mm. Buồng trứng gần tròn, 0,214 × 0,252 mm, nằm ngay sau tinh hoàn phải. Thể melit nằm chính giữa sau buồng trứng. Tuyến noãn hoàng gồm nhiều bao noãn bé nằm ngoài hai nhánh ruột. Tuyến noãn hoàng phải bắt đầu ở ngang mép sau hậu, tuyến noãn hoàng trái ở ngang nhánh ruột chẻ đôi. Cả hai tuyến noãn hoàng phải và trái kết thúc cách nút sau cơ thể khoảng 0,75-0,96 mm, chiều dài tuyến noãn hoàng 2,19-2,30 mm. Tử cung phát triển, chiếm tất cả khoảng trống sau tinh hoàn, tử cung không tạo thành các gấp nếp trước giác bụng. Trứng màu nâu, kích thước 0,051-0,055 × 0,029-0,034 mm.

4. *D. muris* (Stscherbakova, 1942) comb. nov. (hình 4)

Syn: *Skrjabinus muris* Stscherbakova, 1942.

Platynosomum muris (Stscherbakova, 1942) Skrjabin, 1952.

Platynosomoides muris (Stscherbakova, 1942) Yamaguti, 1971.

Vật chủ: chuột nhà (*Rattus flavipectus*).

Nơi ký sinh: gan.

Nơi phát hiện: Sơn La (Mộc Châu), Yên Bái (Yên Bình), Quảng Ninh, Bắc Thái, Ninh Bình (Cúc Phương), Quảng Bình, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng.

Mô tả: (theo Nguyễn Thị Lê, 1968).

Cơ thể dài 2,39-2,49 mm, rộng 0,78-0,94 mm, bề mặt cơ thể phủ các gai bé. Giác miệng ở gần nút trước cơ thể, đường kính 0,202 mm. Giác bụng tròn, đường kính 0,212-0,251 mm, nằm cách nút trước cơ thể 0,49 mm. Hâu 0,121 × 0,105 mm, thực quản ngắn, hai nhánh ruột mảnh, kéo dài về phía sau cơ thể. Hai tinh hoàn nằm đối xứng nhau ở mép sau giác bụng và bị giác bụng che lấp một phần. Kích thước tinh hoàn phải 0,180-0,226 × 0,162-0,210 mm, tinh hoàn trái 0,180-0,226 × 0,170-0,186 mm. Túi sinh dục nằm trước giác bụng, đáy túi chạm mép trước giác bụng, kích thước 0,170 × 0,086 mm. Lỗ sinh dục mở ra ở phía trước nhánh ruột chẻ đôi. Buồng trứng nằm sau tinh hoàn trái, kích thước buồng trứng 0,162-0,210 × 0,178-0,218 mm. Túi nhận tinh 0,082 × 0,072 mm, thể melit lớn hơn túi nhận tinh, nằm ngay sau buồng trứng. Tuyến noãn hoàng gồm nhiều bao noãn bé, mép trước tuyến noãn hoàng bắt đầu ngang vùng nhánh ruột chẻ đôi, kéo dài về phía sau và kết thúc ở khoảng giữa cơ thể. Tử cung phát triển, chiếm toàn bộ khoảng trống phía sau giác bụng đến cuối cơ thể. Trứng 0,037 × 0,021-0,025 mm.

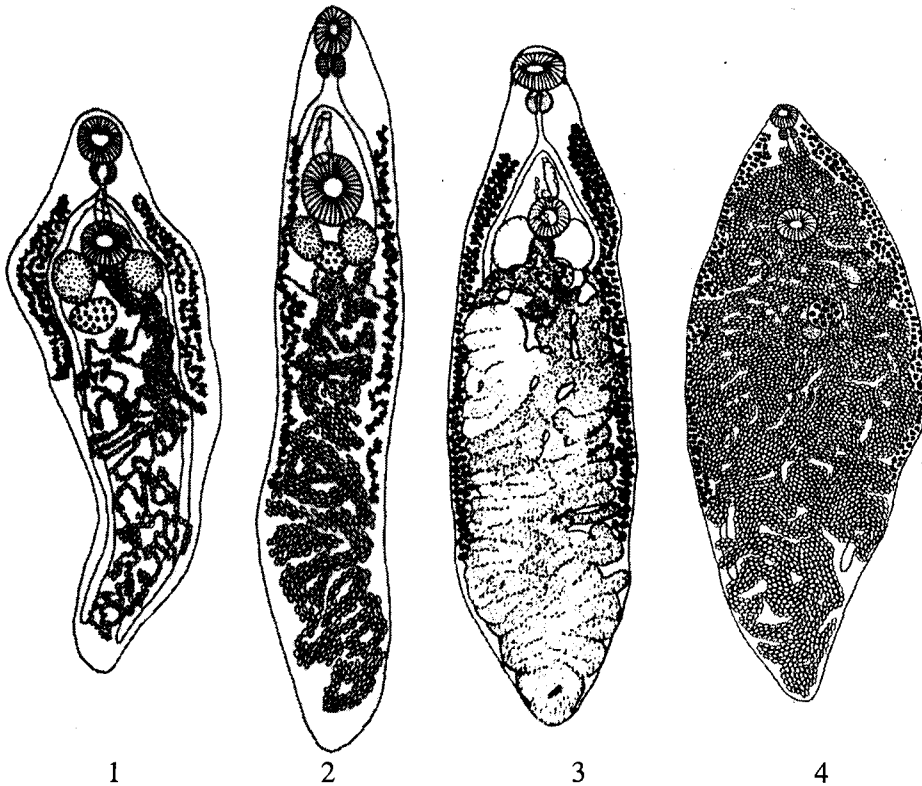
TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Lê, 1968: Tập san Sinh vật - Địa học, 7(2-3): 13-17.
2. Nguyễn Thị Lê, 1977: Giun sán ký sinh ở động vật Việt Nam (phần sán lá): 9-152. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Lê, 1995: Danh mục sán lá ký sinh ở chim và thú Việt Nam. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
4. Hà Duy Ngo, 1990: Tạp chí Sinh học, 14 (4): 19-24.
5. Panin V. Ya., 1984: Dicrocoeliid trematodes of the world fauna Alma-ata.

6. **Skrjabin**, 1952: Sán lá ký sinh ở người và động vật, 7: 272-488.
 7. **Skrjabin**, 1970: Sán lá ký sinh ở người và động vật, 23: 66 - 82.
 8. **Yamaguti**, 1958: Systema helminthum Vol.

1-The digenetic trematodes of vertebrates. NewYork-London.

9. **Yamaguti**, 1971: Synopsis of digenetic Trematodes of vertebrates. Vol. 2-Keigaku Publishing Co., Tokyo.



1 2 3 4
 Các loài sán lá thuộc giống *Dictyonograptus* Travassos, 1919

1. *Dictyonograptus babeensis*; 2. *D. krongpakensis* comb. nov.; 3. *D. vietnamensis*; 4. *D. muris* comb. nov.

ON SOME TREMATODA SPECIES OF THREE GENERA *DICTYONOGRAPTUS* TRAVASSOS, 1919; *PLATYNSOMOIDES* YAMAGUTI, 1971 AND *SKRJABINUS* (BHALERAO, 1936) (DICROCOELIIDAE)

NGUYEN THI LE, PHAM NGOC DOANH

SUMMARY

Dicrocoeliidae is a big trematoda family, including approximately 400 species belonging to 37 genera, but the taxonomy of this family is on discussion. Based on the characteristic of vitellaria, the genus *Platynosomoides* Yamaguti, 1971 is considered as a synonym of the genus *Dictyonograptus* Travassos, 1919. and the species *Skrjabinus andersoni* (Ko, 1976) should be placed into the genus *Dictyonograptus*. The readjustment and discriptions of 4 species of the genus *Dictyonograptus* Travassos, 1919 founded in Vietnam, which are *Dictyonograptus babeensis* Nguyen, 1977; *D. krongpakensis* comb. nov.; *D. vietnamensis* Nguyen, 1968 and *D. muris* (Stscherbakova, 1942) comb. nov., are also given in this paper.

Ngày nhận bài: 26-9-2002